

HỘI NGHỊ PARIS - SỰ KIÊN ĐỊNH NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRONG ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO

ThS TÔ THỊ HẠNH NHÂN

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

6-8-2023

Ngày thẩm định, đánh giá:

20-3-2024

Ngày duyệt đăng:

2-4-2024

Tóm tắt: Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng luôn kiên định mục tiêu đánh đuổi xâm lược, giữ vững nền độc lập dân tộc. Điều đó không chỉ thể hiện trong chiến đấu trên chiến trường, mà còn thể hiện trên bàn đàm phán với Mỹ tại Hội nghị Paris. Trong 5 năm (1968-1973) diễn ra Hội nghị, Việt Nam kiên định nguyên tắc giữ vững nền độc lập dân tộc, quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ phải rút hết khỏi Việt Nam, vấn đề Việt Nam do người Việt Nam tự giải quyết. Kiên trì đấu tranh, ngày 27-1-1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Ngày 29-3-1973, quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ rút hết về nước, mở đường tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975.

Từ khóa:

Hội nghị Paris; kiên định nguyên tắc độc lập dân tộc; đấu tranh ngoại giao; 1968-1973

1. Đảng chủ trương mở mặt trận ngoại giao

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với đấu tranh quân sự và chính trị, Đảng chủ trương đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao trở thành một mặt trận, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của sự nghiệp kháng chiến.

Năm 1965, cùng với việc đưa quân trực tiếp xâm lược miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, đế quốc Mỹ đã tiến hành nhiều cuộc vận động ngoại giao nhằm giải quyết vấn đề Việt Nam theo ý đồ của Mỹ. Trước bối cảnh mới, Đảng đã chủ động tiến công địch về ngoại giao, tháng 1-1967, HNTU 13 khóa III ra Nghị quyết

số 155-NQ/TW, ngày 27-1-1967 “Về đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến công địch, phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”. Nghị quyết khẳng định: “Cuộc đấu tranh ngoại giao của ta đã đạt được những kết quả bước đầu”; “Trên mặt trận quốc tế, phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và ủng hộ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta ngày càng rộng rãi và mạnh mẽ”; “Chúng ta đã vạch trần những luận điệu “hòa bình” bịp bợm của đế quốc Mỹ, làm sáng tỏ lập trường chính nghĩa, giương cao ngọn cờ độc lập và hòa bình và nêu rõ khả năng tất thắng của ta”¹.

Trên cơ sở phân tích, nhận định, đánh giá tình hình khách quan khoa học, Nghị quyết xác định: “Đi đôi với đấu tranh quân sự và chính trị ở miền Nam, ta cần tiến công địch về mặt ngoại giao, phối hợp với hai mặt đấu tranh đó để giành thắng lợi to lớn hơn nữa”. Phân tích mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, Nghị quyết chỉ rõ: “chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị đàm phán những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường”². Do đó, trong bối cảnh mới “đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao... Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”. Nghị quyết khẳng định: “Chúng ta tiến công địch về ngoại giao bây giờ là đúng lúc”³.

Để giành thắng lợi trên mặt trận ngoại giao, phương châm đấu tranh của Việt Nam là phát huy thế mạnh, thế thắng của cách mạng; chủ động tấn công địch; giữ vững tính độc lập, tự chủ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước anh em. Trên cơ sở kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cần vận dụng sách lược ngoại giao một cách linh hoạt, khôn khéo, giành thắng lợi từng bước.

Tháng 1-1968, HNTU 14 khóa III ra Nghị quyết “Anh dũng tiến lên, thực hiện tổng công kích và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước”. Nghị quyết đề ra 6 phương châm trong tổng công kích và tổng khởi nghĩa, trong đó có phương châm: “Kết hợp chặt chẽ tiến công quân sự, tiến công chính trị trong nước với tiến công ngoại giao”⁴ và chỉ rõ: “Công tác ngoại giao của ta phải nhằm tiến công địch trong

lúc chúng đang lúng túng, bị động cả về quân sự và chính trị; đồng thời phải mở đường cho địch đi vào thương lượng theo hướng có lợi nhất cho ta”. Phải luôn giữ vững thế chủ động trong quá trình đàm phán và chuẩn bị các phương án cụ thể về “việc chấm dứt chiến tranh xâm lược, việc rút hết quân Mỹ, quân chư hầu và xoá bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ ở miền Nam, việc nhân dân miền Nam tự quyết định trong vấn đề xây dựng chính quyền của mình, việc địch phải bồi thường thiệt hại chiến tranh đối với hai miền, việc bảo đảm hòa bình ở Việt Nam và toàn cõi Đông Dương”⁵.

Như vậy, Đảng đã quyết định nâng hoạt động ngoại giao thành một mặt trận để phối hợp với mặt trận quân sự và chính trị và nhấn mạnh tính chủ động của mặt trận này. Ngoại giao đã trở thành một mặt trận tiến công, là vũ khí sắc bén để buộc địch phải thay đổi chiến lược⁶. Những mục tiêu cơ bản nhất của mặt trận ngoại giao là buộc Mỹ rút hết quân Mỹ, quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam; nhân dân miền Nam tự xây dựng chính quyền của mình; bảo đảm hòa bình; củng cố và phát triển lực lượng cách mạng để đưa sự nghiệp giải phóng miền Nam tiến lên.

Thực hiện chủ trương trên, tháng 1-1968, quân và dân miền Nam mở cuộc tổng tiến công đánh vào các đô thị, trung tâm đầu não của địch làm cho Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Cuộc tổng tiến công của quân dân miền Nam cùng với thắng lợi của nhân dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, làm cho Mỹ phải thừa nhận không thể giành thắng lợi bằng quân sự, buộc phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán thực sự với ta để tìm lối thoát khỏi cuộc chiến tranh hao người tốn của, mất lòng dân này và việc ngồi vào đàm phán là không tránh khỏi.

Đêm 31-3-1968, Tổng thống Mỹ B. Johnson đơn phương tuyên bố chấm dứt mọi cuộc tiến công

bằng máy bay và tàu chiến chống miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra và sẵn sàng cử đại diện đàm phán với phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau một số cuộc tiếp xúc ngoại giao, ngày 13-5-1968, phiên họp công khai đầu tiên giữa phái đoàn Mỹ với phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được khai mạc tại Hội trường Kléber, thủ đô Paris, Pháp. Việc Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với ta tại Paris, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Như vậy có thể thấy rằng, khác với Hội nghị quốc tế Genève về Đông Dương năm 1954, Hội nghị Paris là một cuộc đàm phán tay đôi, do Việt Nam thắng lớn và chủ động đề xướng. Còn Mỹ, bị động do thất bại nặng nề buộc phải chấp nhận thương lượng để tìm một lối thoát danh dự. Tình hình mới, nhiệm vụ mới, chính sách mới đặt ra cho Đảng những bài toán khó hơn nhưng cũng nhiều triển vọng hơn, tạo động lực to lớn đưa sự nghiệp chính nghĩa của toàn dân tộc về đích vinh quang như Đảng đã nhấn mạnh: “nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, luôn luôn chủ động và vững vàng trước mọi tình huống”⁷, quyết tâm chiến đấu vì nền độc lập, tự do của dân tộc.

2. Giữ vững nguyên tắc trong đàm phán

Rút kinh nghiệm từ quá trình tham gia Hội nghị Genève năm 1954, khi Việt Nam bị động trong đàm phán, không được chủ động nêu ra điều khoản, thời gian đàm phán cũng như những dịch chuyển trong quá trình đàm phán, đến Hội nghị Paris (1968-1973), Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn toàn chủ động, độc lập, tự chủ trong mọi tính toán, chiến lược, sách lược và từng bước đi cụ thể.

Việc Việt Nam tự quyết định đàm phán trực tiếp với Mỹ không qua trung gian được thể hiện trên những mặt sau: *một là*, Việt Nam chủ động đàm phán với Mỹ, chỉ với Mỹ, không để cho các nước lớn khác can thiệp vào quá trình đàm phán, nhất là

không để họ can thiệp vào mục tiêu cuộc hòa đàm này mà ta đã xác định ngay từ đầu và kiên định, đó là “đánh cho Mỹ cút” - phải loại bỏ được chỗ dựa cơ bản của chính quyền, quân đội Sài Gòn; *hai là*, các bước đàm phán như thế nào là Việt Nam và Mỹ quyết định, không quốc gia khác tham gia, chỉ đàm phán theo đúng phương châm đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu; *ba là*, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được bạn bè quốc tế viện trợ nhưng sức mạnh nội lực, ý chí độc lập tự chủ của cả dân tộc Việt Nam là yếu tố quyết định, như đồng chí Lê Duẩn đã nhấn mạnh: “Đảng ta độc lập, Đảng ta làm cách mạng tháng Tám, ta cũng độc lập. Cuộc cách mạng miền Nam, ta cũng độc lập; ta có cái độc lập của ta”⁸.

Hệ câu hỏi luôn được đặt ra trên bàn hội nghị là chiến tranh ở Việt Nam là do đâu? Ai là người chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh? Ai là kẻ xâm lược? Ai là đại diện chân chính cho nhân dân miền Nam? Lập trường rõ ràng, nhất quán của chúng ta là cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Mỹ phá hoại Hiệp định Genève về Việt Nam. Chính Mỹ là kẻ xâm lược, muốn có hòa bình ở Việt Nam, Mỹ phải rút hết quân đội và vũ khí⁹.

Đặc biệt, Đảng Lao động Việt Nam đã kiên định nguyên tắc chủ yếu trong suốt quá trình đàm phán: Đó là Mỹ phải rút, các lực lượng vũ trang của hai bên ở nguyên tại chỗ. Nguyên tắc chủ yếu này nhằm đánh bại âm mưu “phân tuyến” của đối phương, bộ đội ta không phải “tập kết” ra một nơi như Hiệp định Genève năm 1954, mà ngược lại, Quân giải phóng miền Nam duy trì trên chiến trường tạo thế xen kẽ “đa beo”. Bên cạnh đó, chính quyền cách mạng tồn tại song song với chính quyền tay sai do Mỹ dựng lên. Thực trạng này rất có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam, bất lợi cho quân Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn, nấc thang của Hội nghị, Đảng đã có những điều chỉnh nhằm phù

hợp với thực tiễn đàm phán nhưng về cơ bản vẫn giữ nguyên tinh thần trên. Trong “Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” ngày 3-11-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta kiên quyết đòi: Chính phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Phải vĩnh viễn từ bỏ mọi hành động xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phải rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Công việc nội bộ của miền Nam phải do nhân dân miền Nam tự giải quyết theo Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc giải phóng, nước ngoài không được can thiệp vào. Công việc thống nhất nước Việt Nam phải do nhân dân hai miền Nam, Bắc tự giải quyết, nước ngoài không được can thiệp vào”¹⁰.

Giai đoạn 1 của Hội nghị Paris (từ ngày 13-5 đến ngày 31-10-1968) là cuộc đàm phán giữa hai bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ). Mục tiêu của ta là đòi Mỹ chấm dứt ném bom vô điều kiện miền Bắc. Lập trường của Mỹ thời kỳ đầu đàm phán là cần có sự tham gia của phái đoàn chính quyền Sài Gòn; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không vi phạm khu phi quân sự, không bắn pháo hay tên lửa vào các thành phố lớn ở miền Nam như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Phía ta phản đối những đòi hỏi đó, đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và đề nghị Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cùng tham gia hội đàm. Kết quả là Mỹ phải chấp nhận ngừng chiến tranh phá hoại chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không điều kiện như yêu cầu của chúng ta vào ngày 1-11-1968. Đồng thời, hai bên thỏa thuận họp hội nghị cả bốn bên. Việc Chính phủ Mỹ phải thừa nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là một trong bốn bên tham dự Hội nghị Paris về Việt Nam với tư cách một bên độc lập, bình đẳng là một thắng lợi to lớn về ngoại giao của Việt Nam, tạo thế xoay chuyển

có lợi cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Giai đoạn 2 của Hội nghị (từ ngày 25-1-1969 đến ngày 27-1-1973) là cuộc đàm phán giữa bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ và Việt Nam cộng hòa). Đây là giai đoạn có những diễn biến khó lường, phức tạp từ phía Mỹ và mối quan hệ giữa các nước lớn. Các cuộc họp giữa bốn bên diễn ra lúc căng, lúc chùng, nhiều lần đứt đoạn, bế tắc.

Bước vào năm 1969, ngày 8-5-1969, Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đưa ra tuyên bố về “Những nguyên tắc và nội dung chủ yếu của giải pháp toàn bộ về vấn đề miền Nam Việt Nam, góp phần lập lại hòa bình ở Việt Nam” (gọi tắt là “Giải pháp toàn bộ 10 điểm”), tập trung vào 2 nội dung chính: Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam vô điều kiện; công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết, lập Chính phủ liên hiệp lâm thời để tổ chức Tổng tuyển cử tự do. Đây là lần đầu tiên một bên tham gia đàm phán đưa ra một giải pháp toàn diện, tổng thể về vấn đề Việt Nam.

Ngày 12-6-1969, Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tham dự phiên họp đầu tiên tại Hội nghị với tư cách là những người đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời, thay thế Mặt trận¹¹. Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình là Trưởng đoàn. Trong thời gian này, nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh thúc đẩy Mỹ xuống thang chiến tranh và đơn phương rút quân Mỹ về nước. Ngay trong tháng 6-1969, Tổng thống Mỹ Nixon công bố đợt rút quân đầu tiên. Trong tháng 8-1969, bắt đầu các cuộc gặp riêng giữa Xuân Thủy, Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ Kissinger.

Trong năm 1970, trải qua 48 phiên họp nhưng cuộc đàm phán vẫn trong tình trạng bế tắc. Lập trường nguyên tắc của các bên đối với hai vấn đề căn bản là triệt thoái quân đội và một giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam không thay đổi. Nhưng đến ngày 18-10-1970, tình hình có thay đổi, phía Mỹ đưa ra “Đề nghị 5 điểm” mà không đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam Việt Nam. Ngày 10-12-1970, tại phiên họp toàn thể lần thứ 94 Hội nghị Paris, bà Nguyễn Thị Bình đưa ra “Tuyên bố 3 điểm” về ngừng bắn và yêu cầu quân Mỹ rút khỏi miền Nam.

Bước sang năm 1971, ngày 31-5, tại cuộc gặp riêng với Trưởng đoàn đàm phán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Xuân Thủy, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Kissinger đưa ra “đề nghị 7 điểm”¹², nói đây là “đề nghị cuối cùng” của Mỹ. Đề nghị này chỉ nói về vấn đề quân sự, gấn rút quân với ngừng bắn và thả tù binh, không hề đề cập đến vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam.

Kiên định thế tiến công, phía ta giữ nguyên đề nghị Mỹ phải triệt thoái toàn bộ, vô điều kiện quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam. Năm 1972 có bước ngoặt trong đàm phán tại Hội nghị Paris. Phiên họp ngày 8-10-1972, Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đưa ra dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Điểm mới của dự thảo là đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không nhắc đến yêu cầu xoá bỏ chế độ Việt Nam Cộng hòa và Nguyễn Văn Thiệu¹³. Bằng giải pháp này chúng ta sẽ từng bước “đánh cho Mỹ cút” để rồi “đánh cho ngụy nhào”, nhưng vẫn kiên quyết giữ vững mục tiêu bất di bất dịch là “Mỹ phải rút hết” nhưng mềm dẻo về sách lược với bước quá độ “Chính phủ liên hiệp”, phía Mỹ chấp nhận.

Việc đưa dự thảo Hiệp định ngày 8-10 là một bước có ý nghĩa đột phá nhằm tháo gỡ bế tắc trong đàm phán, làm cho lập trường của các bên xích lại gần nhau và chuyển từ đàm phán khung giải pháp sang đàm phán thẳng các điều khoản của Hiệp định,

buộc Mỹ không thể lẩn tránh. Tuy nhiên, cuộc đàm phán vẫn diễn ra gay gắt và kéo dài. Ngày 20-10, các bên đạt được thỏa thuận cuối cùng, dự định ký Hiệp định ngày 31-10-1972.

Tuy nhiên, ngày 23-10-1972, Mỹ đã tráo trở, đòi sửa lại những điểm quan trọng trong nội dung dự thảo Hiệp định. Đáp lại hành động này của Mỹ, trong phiên họp thứ 164 ngày 26-10-1972, Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông tin cho toàn thế giới biết về nội dung các cuộc gặp riêng giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Mỹ và công bố dự thảo Hiệp định¹⁴.

Cuộc đàm phán tiếp tục bế tắc khi phía Mỹ và Việt Nam Cộng hòa liên tục yêu cầu sửa đổi những điểm đã thỏa thuận trong dự thảo Hiệp định. Để giải quyết thế thua trên chiến trường và hòng chiếm thế thượng phong trên bàn đàm phán, ngày 18-12-1972, chính quyền Nixon tiến hành chiến dịch đánh phá mang tính hủy diệt vào Hà Nội và một số tỉnh, thành miền Bắc bằng máy bay chiến lược B.52 với mật danh “Linebacker II” nhằm gây tổn thất lớn nhất có thể, ép Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận điều kiện của Mỹ tại bàn đàm phán Paris. Do đã có sự chuẩn bị, quân dân Thủ đô Hà Nội và các địa phương đã kiên quyết đánh trả, đập tan cuộc tập kích bằng không quân chiến lược trong 12 ngày đêm của Mỹ, làm nên chiến thắng lịch sử “Điện Biên Phủ trên không”. Bị thất bại nặng nề, ngày 30-12-1972, Mỹ buộc phải đơn phương tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ Bắc vĩ tuyến 20 và đề nghị nối lại đàm phán ở Paris.

Bước sang những ngày đầu năm năm 1973, cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao chính thức ngã ngũ, phần thắng nghiêng về phía cách mạng Việt Nam. Ngày 8-1-1973, vòng đàm phán cuối cùng diễn ra tại Paris. Ngày 13-1-1973, các bên hoàn thành văn bản của Hiệp định; những đợt gặp riêng giữa Lê Đức Thọ, Xuân Thủy và Kissinger kết thúc. Ngày 23-1-1973, Lê Đức Thọ và Henry

Kissinger ký tắt vào văn bản Hiệp định với 9 chương 23 điều. Ngày 27-1, đại diện 4 bên dự Hội nghị Paris đã chính thức ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngày 28-1, ngừng bắn trên toàn miền Nam Việt Nam. Hiệp định Paris chính thức được thi hành. Ngày 29-3-1973, quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ rút hết về nước, mở đường tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975.

Như vậy, việc phải đặt bút ký vào Hiệp định Paris, rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ về nước, trong khi đó lực lượng bộ đội miền Bắc vẫn ở lại miền Nam sau khi Hiệp định có hiệu lực là một thất bại lớn của Mỹ như chính Nguyễn Văn Thiệu đã nói với Mỹ: “Các ông đòi hỏi chúng tôi làm điều mà các ông đã thất bại với nửa triệu binh lính tinh nhuệ và sĩ quan có tài,... Nếu tôi không nói rằng các ông bị cộng sản đánh bại thì tôi phải nói một cách khiêm tốn là các ông cũng không chiến thắng”¹⁵. Hiệp định mở ra một cục diện chiến lược mới, so sánh lực lượng trên chiến trường nghiêng hẳn về phía cách mạng để tiến lên “đánh cho nguy nhào” như lời tiên đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài thơ chúc Tết Kỷ Dậu 1969. Kiên định nguyên tắc độc lập dân tộc, quyết tâm đẩy quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thể hiện khát vọng hòa bình, độc lập và thống nhất non sông trước sau như một, nhất quán và ngời sáng của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Thắng lợi của Hội nghị Paris (13-5-1968 đến 27-1-1973) là thắng lợi của quá trình kiên định, bền bỉ nhằm đưa ra những quyết sách đúng đắn, sáng tạo ở tầm chiến lược của Đảng Lao động Việt Nam; là kết tinh thành quả đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân và dân hai miền Nam-Bắc trong suốt những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai ở miền Nam. Thắng lợi trên bàn đàm phán Paris đã mở ra thời cơ mới tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2003, T. 28, tr. 172, 174, 174, 55, 63

6. Trần Nhân: *Cuộc đấu trí ở tầm cao của trí tuệ Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, H, 2005, tr. 173

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 29, tr. 188, 7

9. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh: *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*. Nxb CTQGTS, H, 2018, Quyển III, tr. 380

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 513

11. Từ ngày 6 đến ngày 8-6-1969 tại Tây Ninh, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam ở miền Nam cùng các lực lượng yêu nước khác đã họp Đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sự kiện này đánh dấu sự hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng ở miền Nam

12. Đề nghị 7 điểm của Mỹ: 1-Chỉ nói “sẵn sàng ấn định thời hạn rút quân” mà không nói ngày nào; 2-Nói lập lò “người Việt Nam và người các nước Đông Dương khác sẽ thảo luận việc rút các lực lượng ngoại nhập khác”; 3-Ngừng bắn tại chỗ trên toàn Đông Dương khi quân Mỹ rút; 4-Không được đưa thêm các nước ngoại nhập vào các nước Đông Dương; 5-Giám sát quốc tế đối với việc ngừng bắn; 6-Hai bên cam kết tôn trọng các Hiệp định Genève và 1962; 7-Phóng thích ngay tất cả tù binh và thường dân vô tội trên toàn Đông Dương. Dẫn theo Nguyễn Đình Thống (chủ biên): *Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969-1976)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 159-160

13, 15. Vũ Dương Ninh: *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế - Lịch sử và vấn đề*, Nxb CTQG, H, 2017, tr. 160, 175

14. Nguyễn Đình Thống (chủ biên): *Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969-1976)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 169.